

Dự án Tài chính nông thôn (TCNT) từ vốn vay của WB tại Việt Nam gồm chuỗi 3 dự án I, II, III với số vốn tương đương 548 triệu USD được thực hiện từ năm 1997 đến năm 2013. Số vốn tín dụng của các dự án TCNT hiện vẫn tiếp tục được quản lý và cho vay quay vòng thực hiện các mục tiêu của Dự án cho đến năm 2033. Đến nay, các dự án TCNT đã bổ sung lượng vốn lớn cho đầu tư phát triển khu vực nông thôn lên đến 44 nghìn tỷ đồng (2,1 tỷ USD), tài trợ cho 1,7 triệu phương án sản xuất kinh doanh của hộ gia đình và các doanh nghiệp, trong đó có trên 600 nghìn hộ nghèo, tạo ra trên 410 nghìn việc làm mới ở khu vực nông thôn trên toàn quốc. Dự án TCNT được triển khai thành công đã góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của Việt Nam trong quan hệ với cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế. WB đánh giá Việt Nam là nước triển khai thành công nhất mô hình dự án TCNT trên thế giới, cả về mặt mô hình thực hiện, công tác quản lý, tổ chức triển khai cũng như về hiệu quả đầu tư và tác động kinh tế - xã hội đối với khu vực nông thôn.

Trên cơ sở những thành công đạt được của dự án TCNT, trong nội dung bài viết này, tác giả muốn đề xuất một số nội dung

* Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

BÀN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN DỰ ÁN TÀI CHÍNH NÔNG THÔN TẠI VIỆT NAM

ThS. Quách Hùng Hiệp*

nhằm tăng cường tính lan tỏa và đảm bảo tính bền vững của dự án ODA nói chung, giúp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA của dự án TCNT nói riêng trong thời gian tới.

Như vậy, có thể thấy sau hơn mười năm thực hiện, Dự án TCNT I, II và III đã đạt được rất nhiều thành tựu rất đáng ghi nhận, góp phần quan trọng vào việc hỗ trợ phát triển khu vực nông nghiệp nông thôn, thông qua việc (i) tăng cường vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp nông thôn; (ii) tăng khả năng tiếp cận vốn ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; và (iii) tăng cường năng lực tiếp cận khu vực nông nghiệp nông thôn của các PFIs, các định chế tài chính phi ngân hàng, các Hiệp hội và gián tiếp thúc đẩy phát triển tín dụng ở khu vực NNNT qua việc tăng cường nâng cao năng lực cho Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng đối với các PCFs và MFIs.

Trên thực tế, một số kết quả đạt được của Dự án TCNT được ghi nhận như sau:

(i) Tiến độ thực hiện Dự án: đã

giải ngân trên 99% cấu phần tín dụng, bao gồm cả Quỹ Phát triển Nông thôn (RDF) và Quỹ Cho vay Tài chính Vi mô (MLF) tính đến hết tháng 9/2013, đã giải ngân hết 100% cấu phần nâng cao năng lực thể chế (Cấu phần C), tính đến hết 31/12/2013.

(ii) Kết quả đầu ra của dự án so với dự kiến thiết kế ban đầu: đạt vượt mức 159% lũy kế vốn đầu tư cho khu vực nông thôn, 122% việc làm tăng thêm từ kết quả đầu ra tiểu dự án.

(iii) Tác động kinh tế xã hội đối với người vay vốn cuối cùng: Điều này được ghi nhận qua kết quả khảo sát điều tra vào tháng 9/2013 của công ty tư vấn độc lập Mekong Economics phù hợp với kết quả thống kê của Ban Quản lý Dự án (BQLDA), cụ thể là: trung bình 1 khoản vay RDF tạo ra 3 việc làm, trung bình 1 khoản vay MLF tạo ra 0,13 việc làm. Ngành nghề tạo ra nhiều việc làm nhất lần lượt là tiểu thủ công nghiệp (45,25 việc làm/khoản vay), sản xuất (19 việc làm/khoản vay), máy móc, nhà xưởng (13 việc làm/khoản vay), trung bình 1 đồng đầu tư tạo ra

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

 **AGRIBANK**

Mang phần thịnh đến khách hàng

Chuyên mục này do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tài trợ

0,27 đồng thu nhập tăng thêm cho người vay cuối cùng.

(iv) Tác động lớn đến việc tăng cường năng lực cho các PFI trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính ở khu vực nông thôn: Thay đổi chiến lược kinh doanh hướng đến khu vực nông nghiệp nông thôn, thay đổi nhận thức về môi trường, nâng cao trình độ cán bộ phục vụ thị trường nông nghiệp nông thôn, phát triển các sản phẩm mới phù hợp với khu vực nông nghiệp nông thôn.

(v) Tác động đáng kể đến khả năng tìm kiếm cơ hội kinh doanh, phát triển thị trường nông nghiệp nông thôn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các định chế tài chính phi ngân hàng.

(vi) Tạo ra một sự thay đổi lớn về chiến lược kinh doanh theo mô hình ngân hàng bán buôn (NHBB) của BIDV, tác động đến việc nâng cao năng lực thể chế của BIDV, góp phần đưa BIDV trở thành một định chế tài chính mạnh nhất tại Việt Nam, tuân thủ các tiêu chuẩn về minh bạch và công bố thông tin theo chuẩn quốc tế, tích lũy kinh nghiệm và hội đủ điều kiện để trở thành một NHBB, phục vụ cho các dự án tài chính tín dụng quốc tế của các Tổ chức tài chính quốc tế.

(vii) Cải thiện tích cực năng lực phục vụ khu vực nông nghiệp nông thôn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (VBARD), từng bước hỗ trợ VBARD trong việc cải thiện các chỉ tiêu tài chính và nâng cao năng lực thể chế, trở thành một định chế tài chính có vai trò quan trọng phục vụ khu vực nông nghiệp nông thôn, góp phần thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hóa nông nghiệp

nông thôn của Đảng và Chính phủ cho giai đoạn 2011 - 2020.

Để phát huy các kết quả đạt được, đồng thời nâng cao hơn nữa hiệu quả trong quản lý và sử dụng vốn ODA nói chung và cho dự án TCNT trong thời gian tới, tác giả xin đề xuất một số giải pháp sau:

1. Về thiết kế dự án

(i) Phương pháp tính lãi suất

Lãi suất bán buôn của dự án trong điều kiện kinh tế bình thường đã phản ánh đúng lãi suất thị trường. Tuy nhiên, trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động mạnh cũng như để thay đổi kịp thời theo các điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nhà nước, dự án nên đưa ra một biên độ so sánh với lãi suất thị trường đủ nhỏ nhằm điều chỉnh lãi suất bán buôn của dự án theo biên độ này để hấp dẫn các PFI và để lãi suất bán buôn có thể theo sát diễn biến thị trường hơn nữa.

(ii) Nghiên cứu cách thức kết hợp với các Bộ, ngành liên quan về các ngành nghề cho vay cụ thể trong quá trình triển khai dự án

Trong thiết kế dự án mới, cần chỉ rõ vai trò chỉ đạo của Bộ chuyên trách trong định hướng phát triển của ngành, đồng thời tăng cường vai trò cầu nối của Bộ chuyên trách trong việc cung cấp các sản phẩm tài chính tín dụng ngân hàng đến các thành phần đơn vị kinh tế của ngành, thông qua các hỗ trợ kỹ thuật về: (i) khả năng hoạch định, lập kế hoạch và dự báo; (ii) khả năng tư vấn, hỗ trợ các thành viên thị trường; và (iii) hỗ trợ nghiên cứu các mô hình sản xuất kinh tế mới phù hợp với nhu cầu phát triển

chung của nền kinh tế.

(iii) Thiết kế dự án mới cần có thiết kế mở hay khuyến khích đồng hành, hỗ trợ các chủ trương, chính sách của Chính phủ, địa phương

Thực tiễn cho thấy, mặc dù không có trong thiết kế dự án, trong quá trình triển khai dự án, các định chế tài chính tham gia dự án (các PFI/MFI) đã chủ động kết hợp với các chương trình hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn các cấp để thu hút người vay, nâng cao hiệu quả dự án. Ví dụ như nguồn vốn của dự án đối với Mộc Châu đúng lúc địa phương đang kêu gọi chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xóa bỏ cây thuốc phiện để trồng cây khác và Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP về việc yêu cầu các tổ chức tín dụng cho vay nông nghiệp nông thôn với lãi suất phù hợp đã giúp PCF Mộc Châu kịp thời hỗ trợ thực hiện mục tiêu chính trị cũng như mục tiêu kinh doanh. Tương tự như vậy, VBARD cũng đã thực hiện phối hợp cho vay vốn dự án tới những hộ đã tham gia các lớp khuyến nông về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt (Bà Lê Thị Thanh Hằng, Phó Tổng giám đốc VBARD chia sẻ) hay đã cho gia súc gia cầm tham gia các đợt tiêm chủng phòng dịch (VBARD Yên Bái, năm 2007 - chia sẻ của Ông Nguyễn Thế Dũng, chuyên gia của WB) nhằm giảm thiểu rủi ro và đồng thời giúp cho các chương trình hỗ trợ nông nghiệp tại địa phương. Việc các ngân hàng kết hợp các khoản vay từ dự án với chương trình hỗ trợ xây dựng hầm chứa bio-gas của Ngân hàng ADB cũng góp phần nâng cao tính lan tỏa của dự án. Như

vậy, nếu được thiết kế mở, có cơ chế khuyến khích đồng hành, hỗ trợ các chủ trương, chính sách của Chính phủ, địa phương hay các dự án khác, dự án mới sẽ rất hiệu quả.

(iv) Điều chỉnh cách thức phân bổ hạn mức tín dụng cho các PFIs tham gia cấu phần nâng cao năng lực thể chế (cấu phần C) phù hợp hơn

Khi thiết kế các dự án mới tương tự, tác giả đề nghị cần phân bổ lại cấu phần đào tạo/ nâng cao năng lực cho các PFIs theo các tiêu chí: (i) khả năng hấp thụ vốn; (ii) các sáng kiến, sản phẩm mới ở thị trường nông thôn của các PFI để khuyến khích các PFI chú trọng đào tạo để nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên cho vay nông nghiệp nông thôn. Ngoài ra, BQLDA cũng có thể phân bổ theo hình thức đấu thầu để đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo của các PFIs, tránh trường hợp không thể giải ngân vốn đã được phân bổ.

(v) Thiết kế dự án mới cho khu vực nông nghiệp nông thôn đầu tư vào những ngành sản xuất nông nghiệp đặc thù hay có thế mạnh

Phù hợp với chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn của Việt Nam, dự án mới đầu tư cho khu vực nông nghiệp nông thôn cần tập trung chuyên sâu vào các ngành sản xuất nông nghiệp có thế mạnh và hiệu quả kinh tế cao như: cao su, cà phê, tiêu, lúa gạo, cây dược liệu, cây ăn quả, chè. Dự án mới sẽ góp phần thúc đẩy các hộ nông dân, doanh nghiệp nông nghiệp mở rộng đầu tư nhưng có trọng điểm, không đầu tư tràn lan, hướng dẫn cho nông dân lựa chọn cây trồng

có giá trị kinh tế cao và lợi thế xuất khẩu. Khi đó, chính nông dân vay vốn sẽ được hưởng lợi từ sự tư vấn phù hợp, sẵn sàng đáp ứng các tiêu chí về môi trường một cách tự nguyện.

Bên cạnh đó, thông qua kết quả phỏng vấn sâu các PFIs ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên, tác giả cũng phát hiện thấy nhu cầu đầu tư lớn, theo hướng chuyên môn hóa của các chủ doanh nghiệp là nông dân ở khu vực này. Do đặc điểm về tập quán kinh doanh, sản xuất, và đặc thù văn hóa kinh doanh ở khu vực này, sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm vay vốn và sản xuất, người vay muốn phát triển mô hình sản xuất kinh doanh trang trại, quy mô lớn, để một mặt vừa khai thác được lợi thế của địa phương, mặt khác khả năng tạo việc làm tăng cao hơn so với sản xuất nhỏ.

(vi) Phối kết hợp với các Tổ chức phi chính phủ (NGOs) để cho vay ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa

Trong thời gian tới, các chi nhánh của PFI có thể chủ động kết hợp với các NGOs trên địa bàn để cho vay ở vùng sâu, vùng xa và miền núi. Hiện nay, có khoảng gần 400 NGOs ở Việt Nam đang thực hiện các dự án liên quan đến xóa đói giảm nghèo, tập trung ở những huyện, xã nghèo và khó khăn nhất. Tương tự mô hình của VBARD kết hợp với các tổ nhóm cho vay, hội phụ nữ, hội nông dân, các đối tượng phối kết hợp của dự án có thể mở rộng ra các NGOs, khi các NGOs này không chuyên nghiệp trong hoạt động cho vay như các PFIs nhưng họ lại có am

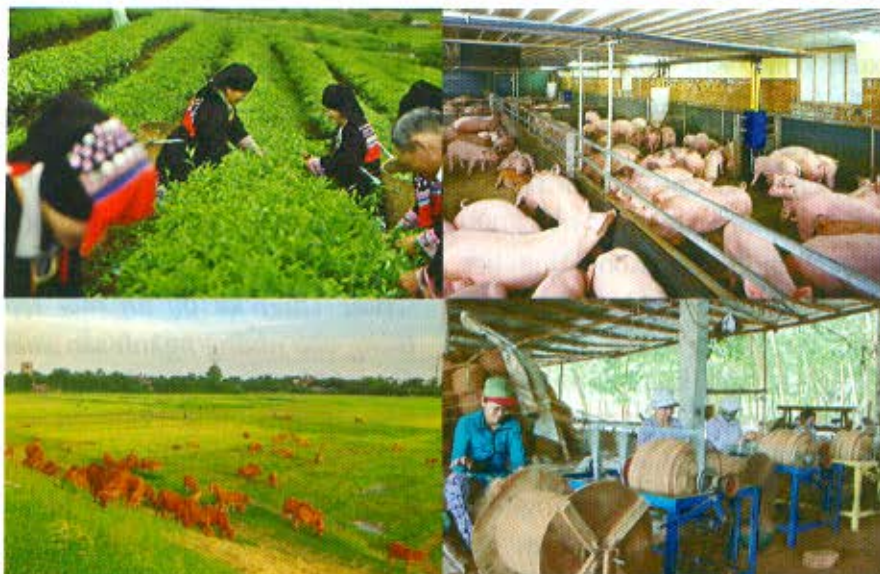
hiểu rất tốt về địa phương và bám trụ ở vùng sâu, vùng xa nơi các ngân hàng không với tới được. Khi đó, dự án sẽ tăng được khả năng tiếp cận vốn vay của phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

(vii) Thiết kế dự án mới tập trung vào những ngành sản xuất tạo nhiều lao động ở khu vực nông thôn

Như phân tích trong phần đánh giá tác động kinh tế xã hội đến người vay cuối cùng, tiểu thủ công nghiệp, máy móc/ nhà xưởng là những ngành tạo ra nhiều lao động nhất. Do vậy, thiết kế dự án mới nên tập trung vào các làng nghề tiểu thủ công nghiệp, các dự án đầu tư máy móc/ nhà xưởng hiện đại hoặc hỗ trợ nghề phụ cho các hộ nông dân thì hiệu quả tạo thu nhập và việc làm ổn định cho khu vực nông thôn sẽ được nâng cao hơn nữa.

(viii) Ứng dụng gói sản phẩm cho vay theo dòng tiền cần có sự tham gia của Tư vấn trong nước và nên có các nghiên cứu khả thi và thực tế hơn

Với các sản phẩm đặc thù cho thị trường nông thôn, cần có sự tham gia của Tư vấn trong nước, bên cạnh các chuyên gia nước ngoài để tăng tính khả thi của sản phẩm sau khi đi vào sử dụng, đặc biệt là trong gói thầu cho vay theo dòng tiền. Sản phẩm thu được trên thực tế của gói thầu cho vay theo dòng tiền, được phía Việt Nam nhận định là có ích và cần thiết trong tình hình người vay cuối cùng trong cho vay nông thôn không có tài sản thế chấp đáng kể, đa phần là quyền sử dụng đất không thể phát mại, sẽ được cơ quan liên



Dự án TCNT được triển khai thành công góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của Việt Nam trong quan hệ với cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế

quan tiếp tục triển khai thí điểm và đầu tư thêm vốn trong phạm vi có thể hoặc đề nghị WB, các nhà tài trợ khác hỗ trợ thêm để hoàn chỉnh và có thể triển khai tại một vài PFIs và PCFs nhằm tiếp tục phát huy tác động của gói thầu thử nghiệm mà dự án đã nghiên cứu.

2. Về thực hiện dự án

(i) Đảm bảo cấu phần nâng cao năng lực thể chế cần được triển khai đồng bộ với cấu phần tín dụng

Trong thời gian tới, để nâng cao năng lực phục vụ khu vực nông nghiệp nông thôn, cấu phần nâng cao năng lực thể chế cần được thực hiện theo đúng Kế hoạch phát triển thể chế cũng như kế hoạch đào tạo của các PFIs và song hành với cấu phần tín dụng. Có như vậy, các kiến thức từ các khóa đào tạo, đề xuất khuyến nghị của các Tư vấn mới được kịp thời ứng dụng vào công việc hàng ngày của các PFIs, đặc biệt là công tác giải ngân vốn dự án.

(ii) Hỗ trợ trực tiếp cho người dân để thực hiện các cam kết

môi trường

Trong khuôn khổ dự án, tất cả các tiểu dự án vay vốn từ dự án đều không có các hỗ trợ về tài chính đối với việc cam kết về môi trường, do vậy, rất nhiều hộ gia đình chỉ thực hiện dưới dạng hình thức. Một số dự án quốc tế khác, như dự án cho vay năng lượng xanh của ADB, hỗ trợ 3 triệu/hộ cho việc làm bio-gas đã thu hút rất đông các hộ nông dân tham gia (Phòng vấn sâu VBARD Bắc Giang, Hưng Yên). Do vậy, trong giai đoạn tới, WB cũng cần nghiên cứu xem xét hình thức hỗ trợ trực tiếp cho người dân để thực hiện các cam kết môi trường, thay vì việc dành toàn bộ cấu phần C để nâng cao năng lực cho các PFIs về môi trường. Ví dụ ưu đãi về lãi suất hoặc hỗ trợ trực tiếp bằng tiền để hỗ trợ xây dựng, lắp đặt các thiết bị xử lý chất thải hoặc sử dụng các phương tiện, dây chuyền sản xuất không gây ô nhiễm môi trường. Qua phỏng vấn các hộ vay vốn, tác giả nhận thấy nếu có những hỗ trợ thiết thực, trực tiếp cho người dân để họ thực hiện các cam kết

môi trường thì sẽ tác động ngay lập tức đến hành động bảo vệ môi trường chứ không phải chỉ dừng lại ở việc nâng cao nhận thức hay ý thức thông qua đào tạo, tuyên truyền, phát tờ rơi. Ví dụ, VBARD hiện đang triển khai rất thành công dự án của ADB về cho vay có hỗ trợ đầu tư xây hầm Bio-gas, vừa đảm bảo môi trường, vừa giúp người vay tận dụng được chất thải phục vụ đời sống.

(iii) Nên có điều khoản phạt đối với các PFI cho vay không đúng mục đích, đối tượng

Để hạn chế tối đa tình trạng giải ngân vốn sai mục đích của dự án, tác giả đề nghị có điều khoản phạt đối với các PFIs cho vay vốn không đúng mục đích, đối tượng, có thể dưới dạng: (i) giảm hạn mức tín dụng, hoặc (ii) dừng giải ngân các tiểu dự án tiếp theo tùy theo mức độ vi phạm.

(iv) Nên có sự trao đổi thông tin đa chiều giữa BQLDA và Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng NHNN (BSA), Hiệp hội Quỹ Tín dụng Nhân dân Việt Nam (VAPCF)

Ngay từ báo cáo đánh giá tác động kinh tế xã hội giữa kỳ, tác giả đã đưa ra khuyến cáo về việc giải ngân chậm cấu phần C sẽ hạn chế đáng kể tác động nâng cao năng lực thể chế của Dự án cho các đơn vị thụ hưởng. Tại thời điểm đánh giá cuối kỳ, mới chỉ có BIDV, BQLDA, VAPCF và BSA là đã hoàn thành xong các gói thầu tư vấn và đào tạo, đã có những ứng dụng cụ thể vào công việc thực tế. Còn lại VBARD, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME) và một số PFI chưa thực hiện xong

hoặc phải chuyển đổi mục đích sử dụng vốn.

Bên cạnh đó, tác giả cũng thấy rằng gói thầu của BSA và VAPCF có quan hệ chặt chẽ với nhau, vì một bên là cơ quan quản lý, một bên là đại diện cho cơ quan chịu quản lý. Hiện nay hai đơn vị này đang phối hợp chặt chẽ với nhau để triển khai các kết quả của các gói TA cho từng đơn vị. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, nên có sự hợp tác, trao đổi thông tin đa chiều hơn nữa giữa cơ quan đầu mối là BQLDA và BSA, VAPCF cũng như ngân hàng Hợp tác và các QTDND cơ sở để có thể tiết kiệm thời gian, chi phí và sử dụng được tối đa kết quả của các gói hỗ trợ kỹ thuật (TA) ở hai cơ quan này.

(v) MFIs cần chủ động tiếp cận nguồn khách hàng mới để giải ngân quỹ MLF

Trong quá trình thực hiện dự án, một số PFIs gặp khó khăn trong việc giải ngân quỹ MLF do quy mô trung bình khoản vay quá nhỏ. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng các khoản vay nhỏ từ quỹ MLF đã giúp người nghèo nông thôn nâng cao khả năng tiếp cận với tín dụng, nhất là ở khu vực nghèo, vùng sâu vùng xa nơi mà việc huy động nguồn vốn rất khó với tỷ lệ 50% hộ nghèo, việc tiếp cận các nguồn vốn khác rất khó. Các MFIs cũng gặp khó khăn về thanh khoản, do thiếu hụt nguồn vốn trung và dài hạn. Do vậy, việc cung cấp tín dụng MLF có thể giúp cho các đối tượng nghèo hơn tiếp cận khoản vay trên cơ sở bình đẳng về cơ hội tiếp cận với lãi suất thương mại, hỗ trợ sự thiếu hụt về nguồn vốn trung dài hạn ổn định cho các MFI. Từ đó có thể thấy, việc

duy trì cho vay nguồn vốn MLF có ý nghĩa quan trọng với không chỉ người vay nghèo mà còn cả các MFI. Bằng chứng là nguồn vốn quỹ MLF không khó giải ngân như ý kiến của một số MFI mà còn giải ngân xong trước thời điểm kết thúc dự án, và còn được phân bổ thêm 2,5 triệu USD để giải ngân từ các cấu phần khác.

(vi) Tăng cường khả năng thu hút các Tổ chức Tài chính vi mô và Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở

Để thúc đẩy các MFI tham gia dự án, trước hết cần thu hút các MFIs tham gia cấu phần nâng cao năng lực thể chế trước, tập trung đào tạo cho các MFIs này về kiến thức, kỹ năng, năng lực quản lý và cho vay ở khu vực nông thôn, giúp họ nâng cao nhận thức, thay đổi quan điểm cho vay trước, sau đó bắt đầu mời họ tham gia cấu phần tín dụng.

3. Về biện pháp đảm bảo tính bền vững cho kết quả đã đạt được của dự án

(i) Cần có văn bản hướng dẫn để tăng tính lan tỏa của các gói TA

Các gói hỗ trợ kỹ thuật, sau khi bàn giao cho bên thụ hưởng, để có thể ứng dụng vào thực tiễn công việc tại đơn vị thụ hưởng, cần có các văn bản mang tính pháp lý của cơ quan chủ quản về việc hướng dẫn/ yêu cầu thực hiện theo các tư vấn trong TA, có như vậy, mới tránh tình trạng TA không được sử dụng sau khi Tư vấn quốc tế về nước. Khi phỏng vấn sâu các đơn vị thụ hưởng cấu phần C của dự án, chỉ có BIDV, BQLDA và VAPCF là đơn vị cho rằng họ có thể áp dụng ngay các kết quả TA vào công việc thực tế. Còn các PFIs khác và BSA, VINASME đều cho rằng

chất lượng tư vấn tốt nhưng phải cần có lộ trình để áp dụng và các điều kiện hỗ trợ khác.

Ví dụ cầm nang thanh tra giám sát đối với PCF và MFI sau khi bàn giao cho BSA, nhưng NHNN không ban hành công văn hay quy định yêu cầu thực hiện nên BSA cũng không thể áp dụng vào công việc thanh tra giám sát của mình. Bên cạnh đó, để thực hiện theo những hướng dẫn theo chuẩn mực quốc tế, cần có các phần mềm hỗ trợ trong việc cung cấp và xử lý thông tin, tuy nhiên theo Báo cáo Đánh giá năng lực thanh tra giám sát thì hiện nay tại BSA, hệ thống phần mềm hỗ trợ giám sát của BSA vẫn còn rất yếu. Tóm lại, để có thể đảm bảo tính bền vững của gói TA đối với BSA, cần có thêm các hỗ trợ TA hoặc cấu phần về xây dựng phần mềm quản lý thông tin tự động từ cấp quản lý của BSA đến đối tượng bị quản lý là các PCF, MFI. Khi đó, các khuyến nghị và mô hình giám sát dựa trên cơ sở rủi ro do tư vấn quốc tế đề xuất sẽ được ứng dụng một cách hiệu quả.

(ii) Nên có giai đoạn chạy thử các kết quả tư vấn quốc tế để tăng tính khả thi của các TA này

Các gói hỗ trợ kỹ thuật, được thực hiện bởi tư vấn quốc tế, nên có giai đoạn chạy thử (testing) ở đơn vị thụ hưởng hoặc đối tác của đơn vị thụ hưởng, để tăng tính phù hợp và khả thi của TA. Ví dụ, cầm nang thanh tra giám sát PCF và MFI cần được sử dụng để ứng dụng vào thực tiễn thanh tra và giám sát một vài PCF, sau đó, có điều chỉnh nếu cần, rồi mới bàn giao cho bên thụ hưởng là BSA, khi đó, tính khả thi của các khuyến nghị, mô hình đề xuất

của tư vấn quốc tế sẽ được đảm bảo. Thực tế, trong cấu phần TA này, đã có cấu phần về đào tạo cho cán bộ thanh tra giám sát của NHNN chi nhánh các tỉnh, song chưa được ứng dụng vào thực tế thanh tra hay giám sát một PCF nào.

(iii) Tăng tính lan tỏa của các khóa đào tạo, khảo sát

Các kinh nghiệm thu được sau các khóa đào tạo, khảo sát thuộc cấu phần C2 do BQLDA thực hiện trên cơ sở chia sẻ chi phí với các PFIs, các tài liệu và kết quả đào tạo cần được BQLDA tập hợp, đưa thông tin lên website của BIDV để các thông tin này đến được với các PFIs tham gia cũng như không tham gia dự án, từ đó nâng cao tính lan tỏa của dự án. BQLDA cần tạo điều kiện cho những người được hưởng lợi từ tài liệu đào tạo, học hỏi kinh nghiệm từ các khóa khảo sát nước ngoài tham dự các chuyên đề, hội thảo liên quan tổ chức sau này để họ phát biểu, chia sẻ kinh nghiệm đã vận dụng vào thực tế như thế nào. Bên cạnh đó, Dự án cũng cần phải phân cấp độ các khóa học từ trình độ thấp đến trình độ cao để các khóa học không bị trùng lặp và học viên tham dự được các khóa học có tính liên tục, phù hợp trình độ của mình. Hơn nữa, BQLDA cần có đánh giá sau đào tạo trên thực tế sau 3 - 6 tháng, có đoàn kiểm tra sau đào tạo để đánh giá khả năng áp dụng các kiến thức được đào tạo vào công việc hàng ngày của các PFIs. Có như vậy, thì các khóa đào tạo, khảo sát mới thực sự hiệu quả đối với việc nâng cao năng lực thể chế của các PFIs.

(iv) Triển khai sản phẩm bảo hiểm rủi ro nông nghiệp

Dự án TCNT III đã triển khai nhiều khóa đào tạo/khảo sát để học hỏi kinh nghiệm cũng như cách thức triển khai thành công sản phẩm bảo hiểm rủi ro nông nghiệp của nhiều nước trên thế giới. Do đó, sản phẩm bảo hiểm rủi ro nông nghiệp cần được nghiên cứu triển khai trong dự án tiếp theo: một mặt để tránh lãng phí những kinh nghiệm học hỏi được từ những khóa đào tạo/khảo sát; mặt khác, bảo hiểm rủi ro nông nghiệp sẽ hạn chế được rủi ro của chính ngân hàng khi cho vay theo chuỗi giá trị nói riêng và cho vay nông nghiệp nói chung. Tuy nhiên, cũng cần nghiên cứu thật kỹ phương pháp xác định rủi ro của loại hình bảo hiểm này vì các doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường Việt Nam hiện tại chưa mặn mà lắm với loại hình này.

(v) Duy trì đội ngũ cán bộ, đơn vị nội bộ ổn định tham gia quản lý và triển khai dự án, tránh xáo trộn

Kinh nghiệm triển khai dự án ở các PFIs thành công và không thành công cho thấy việc duy trì đội ngũ cán bộ quản lý dự án ổn định có ý nghĩa quan trọng đến sự thành công của dự án. Trước hết, họ là những người am hiểu về dự án, tâm huyết với hoạt động cho vay ở khu vực nông thôn, đã có kinh nghiệm triển khai dự án cho vay gắn với điều kiện về môi trường, do vậy, khi họ quản lý dự án sẽ có nhiều thuận lợi hơn những người mới hay cán bộ thay thế do luân chuyển.

(vi) Xây dựng cơ chế quản lý quỹ quay vòng sau khi kết thúc dự án

Sau khi Dự án I và II kết thúc, BQLDA vẫn thực hiện quản lý,

giám sát dự án này như đối với Dự án III. Song chưa có một tài liệu pháp lý nào chỉ rõ nhiệm vụ quản lý giám sát sau khi kết thúc dự án cho BQLDA nói riêng và BIDV nói chung. Việc quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan cũng như tiếp tục duy trì cơ chế, cách thức quản lý dự án sau khi kết thúc sẽ đảm bảo các tác động lan tỏa của dự án, đặc biệt đối với các cấu phần nâng cao năng lực thể chế và phát triển sản phẩm mới chưa hoàn thành đúng tiến độ trong khuôn khổ dự án, sẽ tiếp tục được theo dõi, nghiên cứu và ứng dụng để tạo ra tác động tích cực, tránh bỏ dở gây lãng phí.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Đức Thắng, 2012, Chất lượng tư vấn giám sát còn nhiều điều đáng bàn, Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình.
- Nguyễn Thị Tinh, 2013, Thu hút, quản lý, sử dụng ODA: Nhìn từ Malaysia và Indonesia, Tạp chí Tài chính, <<http://tapchitaichinh.vn/thi-truong-tai-chinh/thu-hut-quan-ly-su-dung-oda-nhin-tu-malaysia-va-indonesia-30276.html>>
- Tôn Thanh Tâm, 2002, Kinh nghiệm của các nước và bài học đối với Việt Nam về quản lý nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), Tạp chí Ngân hàng, số 1+2/2002.
- Uông Chu Lưu, 2006, Báo cáo khảo sát về hệ thống pháp luật và tư pháp tại một số nước, NXB Tư pháp, Hà Nội.
- Vũ Thị Kim Oanh, 2002, Những giải pháp chủ yếu nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Ngoại thương.
- WB, 2007, Sổ tay hướng dẫn thực hiện và chuẩn bị dự án ODA do Ngân hàng Thế giới tài trợ.
- Chính phủ (2013). Nghị định 38/2013/NĐ-CP, ngày 23/4/2013 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.